

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HÀ TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03-03-2026
V/v: Ly hôn, giải quyết nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- HÀ TỈNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Từ Hữu Yên

Ông Dương Hữu Tường

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 03 năm 2026, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 05/2025/HNGĐ- ST ngày 07/01/2026 về việc “Ly hôn, giải quyết nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXX-HNGĐ, ngày 13/02/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị T**, sinh năm 1993. Số CCCD: 042193005724 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/05/2021. Địa chỉ: **Thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh** – **Vắng mặt**

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hữu H**, sinh năm 1993; Số CCCD: 042093010673; Nơi ĐKKHKT: **Thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh**. Chỗ ở hiện nay: **Tòa nhà A, đường S, thành phố B**, cộng hòa liên bang Đức - **Vắng mặt**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị **Đặng Thị T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đặng Thị T** và anh **Nguyễn Hữu H** kết hôn vào ngày 05/11/2019, đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh)**, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại **thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh**. Quá trình chung sống, xuất phát từ nguyên nhân kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2022, anh **H** đi làm ăn xa, vợ chồng sống xa cách nhau, không có thời gian gần gũi chăm sóc nhau nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Nay chị **Đặng Thị T** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị **Nguyễn Thị T1** được ly hôn với anh **Nguyễn Hữu H**.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là **Nguyễn Phương T2**, sinh ngày 13/10/2021. Chị **Đặng Thị T** có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh **Nguyễn Hữu H** phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Hữu H trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng thông nhất như trình bày của chị **T**. Anh **H** xác nhận không còn tình cảm với chị **T** nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh **H** đồng ý giao cho chị **T** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **Nguyễn Phương T2**, sinh ngày 13/10/2021 và anh **H** không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ việc, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 464, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đặng Thị T**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Đặng Thị T** và anh **Nguyễn Hữu H**.

2. Giao con chung là cháu **Nguyễn Phương T2**, sinh ngày 13/10/2021 cho chị **T** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), anh **H** không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản, cản trở.

3. Về án phí: Chị **Đặng Thị T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Đặng Thị T** khởi kiện xin ly hôn và giải quyết về nuôi con chung đối với bị đơn anh **Nguyễn Hữu H** (cư trú tại: **Thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh**). Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh **Nguyễn Hữu H** đang

sinh sống và làm việc tại **C** liên bang **D**, các tài liệu kèm theo bản tự khai của anh **Nguyễn Hữu H** gửi về có xác nhận của **Đ1** tại **C** liên bang **D** số chứng thực 63, quyền số 01/SCT-CK, ĐC ngày 22/12/2025. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị **Đặng Thị T** và anh **Nguyễn Hữu H**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đặng Thị T** và anh **Nguyễn Hữu H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **C**, huyện **C**, tỉnh **Hà Tĩnh** (nay thuộc xã **C**, tỉnh **Hà Tĩnh**) nên quan hệ hôn nhân giữa chị **T** và anh **H** là hợp pháp. Hai bên đương sự đều trình bày quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình gặp khó khăn, từ năm 2022 chồng đi làm ăn xa dẫn đến vợ chồng thiếu quan tâm, chia sẻ, chăm sóc nhau, vợ chồng không còn tiếng nói chung, chị **T** xin ly hôn anh **H** đồng ý. Trình bày của anh **H** và chị **T** phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương. Căn cứ điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Đặng Thị T** và anh **Nguyễn Hữu H**.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là **Nguyễn Phương T2**, sinh ngày 13/10/2021. Chị **Đặng Thị T** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và được anh **H** đồng ý. Vì vậy, căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị **T** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **Nguyễn Phương T2**. Chị **T** không yêu cầu anh **H** đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn chị **Đặng Thị T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Xét xử vắng mặt nguyên đơn chị **Đặng Thị T** và bị đơn anh **Nguyễn Hữu H**.

2. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Đặng Thị T** và anh **Nguyễn Hữu H**.

3. Về con chung: Chị **Đặng Thị T** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **Nguyễn Phương T2**, sinh ngày 13/10/2021 đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh **Nguyễn Hữu H** không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

4. Về án phí: Chị **Đặng Thị T** tự nguyện chịu 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị **T** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000020 ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Trả lại cho chị **Đặng Thị T** 150.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 1- Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Cẩm Bình, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Huyền